

## ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN - ĐỀ SỐ 03

Đề thi môn: **CHUYÊN ĐỀ WEB**

Mã môn học: **214374**

Thời gian làm bài: 90 phút

Được sử dụng tài liệu khi làm bài

---

**Câu 1:** Chọn các phát biểu đúng về jQuery

- a. jQuery là một thư viện javascript nhanh và ngắn gọn được tạo bởi John Resig vào năm 2006 với khẩu hiệu "Write less, do more".
- b. jQuery làm đơn giản hóa việc duyệt tài liệu HTML, điều khiển sự kiện, tạo chuyển động và tương tác Ajax để phát triển web nhanh.
- c. jQuery hỗ trợ nhiều công cụ để phát triển web site đáp ứng (responsive) và giàu hình thức dùng kỹ thuật AJAX.
- d. Tất cả câu trên đúng.

**Câu 2:** Ký hiệu nào mà jQuery dùng để viết tắt cho "jQuery" trong các câu lệnh

- a. Ký hiệu \$
- b. Ký hiệu @
- c. Ký hiệu %
- d. Ký hiệu !

**Câu 3:** Chọn phát biểu đúng về các phương thức của jQuery

- a. Phương thức **html()** làm việc với cả hai tài liệu HTML và XML
- b. Phương thức để ẩn một thành phần được chọn là **hide()**
- c. Phương thức đặt các thuộc tính style cho thành phần được chọn là **css()**

**Câu 4:** AJAX là viết tắt của

- a. Automatic junk Annihilation Extension
- b. Asynchronyous Javascript and Xml
- c. Another Javascript and Xml
- d. Auto Javascript and Xml

**Câu 5:** Đối tượng **XMLHttpRequest** thực hiện gì trong Ajax?

- a. Nó là ngôn ngữ lập trình dùng để phát triển ứng dụng Ajax.
- b. Nó cung cấp khả năng đánh dấu và định kiểu cho việc hiển thị văn bản trên trang web.
- c. Nó cung cấp phương tiện để trao đổi dữ liệu có cấu trúc giữa client và web server.
- d. Nó cung cấp khả năng trao đổi bất đồng bộ dữ liệu giữa trình duyệt và web server.

**Câu 6:** Trong **web.xml**, tên của servlet được cấu hình là **mvc-dispatcher**. Khi đó tên mặc nhiên của file cấu hình Spring MVC là gì?

- a. mvc-config.xml
- b. mvc-dispatcher.xml
- c. mvc-dispatcher-servlet.xml
- d. servlet-mvc-dispatcher.xml

c

**Câu 7:** Kiểu cảm phụ thuộc nào Spring hỗ trợ?

- a. Constructor based, Setter based
- b. Constructor based, Setter based, Getter Based
- c. Setter based, Getter based, Properties based
- d. Constructor based, Setter based, Properties based

**Câu 8:** Trong Spring MVC, **DispatcherServlet** là gì?

- a. **DispatcherServlet** được dùng để quản lý giao tác (transaction management).
- b. **DispatcherServlet** được dùng để lập trình hướng lĩnh vực (AOP).
- c. **DispatcherServlet** điều khiển tất cả các HTTP request và HTTP response.
- d. **DispatcherServlet** được dùng để cảm phụ thuộc (Dependency injection).

**Câu 9:** Điều nào sau đây là phát biểu đúng về Spring framework?

- a. Spring là một framework Java mã nguồn mở để phát triển ứng dụng doanh nghiệp.
- b. Spring là framework có bản quyền.
- c. Spring cho phép phát triển ứng dụng lớn dùng các lớp Java bình thường (POJO).
- d. Spring được tổ chức thành các module.
- e. Việc kiểm chứng một ứng dụng viết bằng Spring đơn giản vì mã phụ thuộc vào môi trường được di chuyển vào trong framework này.
- f. Spring là một framework để phát triển ứng dụng doanh nghiệp dùng PHP.

**Câu 10:** Điều nào sau đây là phát biểu đúng về cảm phụ thuộc (Dependency Injection)?

- a. Là mẫu thiết kế để cài đặt nguyên lý Inversion of Control cho phát triển phần mềm.
- b. Nó là một module của Spring.
- c. Nó là kỹ thuật để lấy phụ thuộc cho bất cứ dự án phần mềm nào..
- d. Nó giúp giảm sự phụ thuộc giữa các đối tượng trong ứng dụng.

**Câu 11:** Phạm vi **singleton** của bean là gì?

- a. Xác định có một thể hiện bean duy nhất trong một Spring IoC container.
- b. Xác định có một thể hiện bean duy nhất trong HTTP Request.
- c. Xác định có một thể hiện bean duy nhất trong HTTP Session.
- d. Xác định có một thể hiện bean duy nhất trong HTTP Application/Global session.

**Câu 12:** Phát biểu đúng về spring bean?

- a. Spring bean được quản lý bởi Spring IoC container.
- b. Spring bean được khởi tạo, được lắp ráp, và được quản lý bởi Spring IoC container.
- c. Spring bean là các lớp Java bình thường (POJO).
- d. Tất cả điều trên đúng.

**Câu 13:** Phạm vi mặc nhiên của một bean trong Spring framework?

- a. **singleton**
- b. **prototype**
- c. **request**
- d. **session**

**Câu 14:** Trong Spring, làm thế nào để chuyển thành việc nối kết bean bằng annotation?

- a. Thêm **<annotation-context:config />** tới file cấu hình bean.
- b. Thêm **<annotation-config />** tới file cấu hình bean.
- c. Thêm **<annotation-context-config />** tới file cấu hình bean.
- d. Thêm **<context:annotation-config/>** tới file cấu hình bean.

**Câu 15:** Trong Spring MVC, có thể định nghĩa bean bằng các annotation kiểu mở rộng sau?

- a. **@Component, @Entity, @Service, @Controller**
- b. **@Component, @Controller, @Service, @Repository**
- c. **@Repository, @Service, @Controller, @Entity**
- d. Không câu nào đúng

**Câu 16:** Trong Spring, phát biểu đúng về **@Autowired** annotation?

- a. **@Autowired** annotation có thể dùng để tự động cắm nối bean trên phương thức setter.
- b. **@Autowired** annotation cung cấp điều khiển tinh tế về nơi và làm thế nào tự động việc cắm nối bean thực hiện.
- c. **@Autowired** annotation có thể dùng để tự động cắm nối bean trên các phương thức với tên và đối số bất kỳ
- d. Tất cả điều trên đúng.

**Câu 17:** Spring MVC framework là gì?

- a. Spring MVC framework là kiến trúc Model-Value-Class được dùng để liên kết dữ liệu model với cá giá trị.
- b. Spring web MVC framework cung cấp kiến trúc Model-View-Controller và các thành phần xây dựng sẵn có thể dùng phát triển ứng dụng web linh động và phụ thuộc yếu
- c. Spring MVC framework được dùng để quản lý giao tác (transaction management) cho ứng dụng Web.
- d. Spring MVC framework được dùng để lập trình hướng lĩnh vực cho ứng dụng Web.

**Câu 18:** Trong Spring, Ghi chú **@Controller** là gì?

- a. Đăng ký một lớp đặc biệt có vai trò của một bộ điều khiển xử lý các HTTP request.
- b. Chỉ ra làm thế nào để điều khiển việc quản lý giao dịch.
- c. Chỉ ra làm thế nào để điều khiển việc cắm phụ thuộc (dependency injection).
- d. Chỉ ra làm thế nào để điều khiển việc quản lý cơ sở dữ liệu

**Câu 19:** Các ORM (Object-Relation Mapping) nào mà Spring hỗ trợ?

- a. Hibernate
- b. iBatis
- c. JPA
- d. JDBC
- e. Tất cả điều trên đúng.

**Câu 20:** Trong Spring, mặc nhiên của một bean là được tải khi cần (lazily loaded).

- a. Đúng
- b. Sai

**Câu 21:** Trong Spring, cho các định nghĩa bean sau trong file cấu hình, điều nào sau đúng?

1. `<bean class="com.spring.service.MyServiceImpl">  
    <property name="repository" ref="jpaDao"/>  
</bean>`
  2. `<bean class="com.spring.repository.JpaDao"/>`
- a. (1) định nghĩa bean thuộc lớp **MyServiceImpl** bỏ sót thuộc tính **id** để đặt tên bean là **myService**
  - b. (2) định nghĩa bean thuộc lớp **JpaDao** bỏ sót thuộc tính **id** để đặt tên bean là **jpaDao**
  - c. Cả hai a và b đúng.
  - d. Cả hai a và b sai.

**Câu 22:** Chọn các phát biểu đúng về Data Binding?

- a. Là kỹ thuật mà ứng dụng Spring MVC dùng để liên kết dữ liệu trên web form với thuộc tính của đối tượng Java Bean.
- b. Là kỹ thuật ánh xạ các đối tượng vào các bảng của cơ sở dữ liệu quan hệ.
- c. Nó chuyển đổi dữ liệu dạng chuỗi trên web form thành kiểu dữ liệu java tương ứng với thuộc tính của đối tượng Java liên kết với nó, và thực hiện việc kiểm tra tính hợp lệ của dữ liệu.
- d. Nó chỉ được dùng cho web services.

**Câu 23:** Trong Spring, làm thế nào để tự động cắm vào một trường của một bean bằng một bean khác dùng tên của nó?

- a. Dùng thuộc tính name của ghi chú **@Autowired**
- b. Bằng cách sử dụng duy nhất một ghi chú **@Qualifier**
- c. Bằng cách sử dụng cả hai ghi chú **@Autowired** và **@Qualifier** của Spring
- d. Bằng cách sử dụng các ghi chú **@Autowired** và đặt tên trường trùng với tên bean

**Câu 24:** Trong Hibernate, các điều nào sau đây đúng?

- a. Nếu một entity không ghi chú **@Table**, Hibernate sẽ dùng tên lớp gán cho tên bảng lưu trữ.
- b. Khi nhiều entity tham khảo tới một entity đích, dùng ghi chú **@ManyToOne**
- c. To lưu trữ một tập hợp giá trị dùng ghi chú **@ElementCollection**
- d. Tất cả điều trên đúng.

**Câu 25:** Các điều nào sau đây là đúng về đối tượng **Session** trong hibernate?

- a. Một **Session** được sử dụng để có được một kết nối vật lý với một cơ sở dữ liệu.
- b. Các đối tượng lưu trữ được lưu trữ và đọc thông qua một đối tượng **Session**.
- c. Trong ứng dụng cần duy nhất một đối tượng **Session** quản lý các đối tượng lưu trữ.
- d. Tất cả điều trên đúng.

**Câu 26:** Điều nào sau đây không phải là một thành phần chính của Hibernate?

- a. JDBC
- b. **SessionFactory**
- c. **Session**
- d. **Configuration**

**Câu 27:** Trong Hibernate, các điều nào sau đây đúng?

- a. Tất cả các lớp lưu trữ là POJO phải cài đặt một constructor rỗng.
- b. Constructor rỗng của lớp lưu trữ phải khai báo public.
- c. Các lớp muốn được tải khi cần (lazy loading) nên khai báo không final.
- d. Để đặt một thể hiện của lớp lưu trữ vào tập hợp kiểu Set, phải cài đặt lại (override) phương thức **hashCode()** và **equals()**.

**Câu 28:** Dữ liệu gì mà một phương thức điều khiển của Spring MVC không được trả về?

- a) Một chuỗi **string**
- b) Một đối tượng **Model**
- c) Một đối tượng **ModelAndView**
- d) Một đối tượng **JstlView**
- e) Giá trị **null**

**Câu 29:** Trong JSF, servlet mapping cho Faces servlet trong **web.xml** là

```
<servlet-mapping>
  <servlet-name>Faces Servlet</servlet-name>
  <url-pattern>*.faces</url-pattern>
</servlet-mapping>
```

Giả sử ngữ cảnh ứng dụng web là **/mywebapp**, khi đó có thể truy xuất trang **index.xhtml** :

- a) `http://localhost:8080/mywebapp/index.xhtml`
- b) `http://localhost:8080/mywebapp/faces.index`
- c) `http://localhost:8080/mywebapp/faces/index.xhtml`
- d) `http://localhost:8080/mywebapp/index.faces`

**Câu 30:** Trong JSF, thành phần nào mà thuộc tính **value** có thể lấy giá trị thuộc kiểu là **java.util.List**?

- a) `<h:selectManyCheckbox>`
- b) `<h:selectManyMenu>`
- c) `<f:selectItems>`
- d) `<h:selectManyListbox>`
- e) `<h:datatable>`

**Câu 31:** Trong JSF, giả sử backing bean **testBean** được đăng ký là thể hiện của lớp sau:

```
01: public class TestBean {
02:     public void action() {
03:         System.out.println("ACTION");
04:     }
05:     public void action(int id) {
06:         System.out.println(id);
07:     }
08: }
```

và có nút lệnh trên một trang như sau:

```
<h:commandButton id="button" action="#{testBean.action}" />
```

Điều gì xảy ra khi click vào nút lệnh?

- a) Không có gì xảy ra
- b) Console hiển thị chuỗi "ACTION"
- c) Console hiển thị chuỗi id của nút lệnh là "button"
- d) Ném một ngoại lệ

**Câu 32:** Phạm vi nào của bean **không** được hỗ trợ bởi JSF?

- a) application
- b) session
- c) page
- d) request

**Câu 33:** Trong JSF, các cú pháp ngôn ngữ EL nào sau đây là đúng để truy xuất một giá trị lưu trong một cấu trúc map?

- a) `#{map.key}`
- b) `#{map['key']}`
- c) `#{map['key'].value}`
- d) `#{map.get('key')}`

**Câu 34:** Trong JSF, thuộc tính nào dùng để ẩn thành phần UI trên trang?

- a) `display="false"`
- b) `unrendered="true"`
- c) `rendered="false"`
- d) `value=""`

**Câu 35:** Trong JSF, có thể định nghĩa message bundle của ứng dụng bằng cách thêm mục sau vào vào file cấu hình **WEB-INF/faces-config.xml**:

```
<application>
  <message-bundle>com.myapp.errorMessages</message-bundle>
</application>
```

- a) Đúng
- b) Sai

**Câu 36:** Chọn các câu đúng nói về đoạn mã JSF sau:

```
<h:outputFormat value="You have visited us {0} {0, choice, 0#times|1#time}.">
  <f:param value="#{user.visits}"/>
</h:outputFormat>
```

- a) Nếu **user.visits** bằng 0, kết xuất là: You have visited us 0 times.
- b) Nếu **user.visits** bằng 1, kết xuất là: You have visited us 1 time.
- c) Nếu **user.visits** bằng -2, kết xuất là: You have visited us -2 times.
- d) Nếu **user.visits** bằng 10, thì kết xuất là: You have visited us 10 time.
- e) Nếu **user.visits** không bằng với một trong các chọn lựa trong mẫu thì kết xuất là: You have visited us <giá trị của **user.visits**> .

**Câu 37:** Trong JSF, chọn khai báo đúng của phương thức xử lý action?

- a) `private String methodAction();`
- b) `public void methodAction();`
- c) `public String methodAction();`
- d) `public String methodAction(ActionEvent actionEvent);`

**Câu 38:** Trong JSF, cho các khai báo chuyển trang sau:

```
<navigation-rule>
  <from-view-id>hello.xhtml</from-view-id>
  <navigation-case>
    <from-outcome>Hello</from-outcome>
    <to-view-id>login.xhtml</to-view-id>
  </navigation-case>
  <navigation-case>
    <from-outcome>turtle</from-outcome>
    <to-view-id>powerRanger.xhtml</to-view-id>
  </navigation-case>
</navigation-rule>
```

Và liên kết action trong trang JSP:

```
<h:commandLink value="Click" action="hugo" />
```

Điều gì xảy ra nếu chọn liên kết?

- a) Sẽ có một lỗi server.
- b) Sẽ hiển thị trang hiện thời.
- c) Sẽ hiển thị trang **login.xhtml**.
- d) Sẽ hiển thị trang **powerRangers.xhtml**.

**Câu 39:** Khai báo chuyển trang trong JSF như sau

```
<navigation-rule>
  <from-view-id>/login.xhtml</from-view-id>
  <navigation-case>
    <from-outcome>ok</from-outcome>
    <to-view-id>/main.xhtml</to-view-id>
  </navigation-case>
  <navigation-case>
    <from-outcome>failed</from-outcome>
    <to-view-id>/error.xhtml</to-view-id>
  </navigation-case>
</navigation-rule>
```

Trang JSP nào sẽ hiển thị nếu phương thức action gọi trong trang **login.xhtml** trả về "failed"?

- a) **login.xhtml** vì lỗi xác định trong từ khóa khai báo navigation
- b) **error.xhtml**
- c) **main.xhtml**
- d) Không câu nào đúng

**Câu 40:** Trong JSF, chọn các phát biểu đúng

- a) Sự khác nhau giữa một java bean bình thường và một managed bean là managed bean cũng là một java bean bình thường nhưng được quản lý trong JSF-framework.
- b) Mục đích duy nhất của managed bean là lưu giữ trạng thái của trang web.
- c) Các managed bean không nên có biến thể hiện khai báo là public.
- d) Một trang JSF không được phép truy xuất nhiều hơn một managed bean.
- e) Thuộc tính của managed bean nên được truy xuất qua các phương thức getXxx và setXxx.

**Câu 41:** Trong JSF, kết quả là gì khi phương thức xử lý action của **commandLink** / **commandButton** trả về giá trị **null** cho chuỗi kết quả để điều khiển chuyển trang.

- a) Ném một ngoại lệ.
- b) Thực hiện phương thức xử lý và ném một ngoại lệ.
- c) Thực hiện phương thức xử lý và hiển thị trang hiện thời.

**Câu 42:** Trong JSF, Hai khai báo chuyển trang sau có kết quả giống nhau?

```
<navigation-rule>
  <from-view-id>*</from-view-id>
  <navigation-case>
    <from-outcome>outcome</from-outcome>
    <to-view-id>/page.xhtml</to-view-id>
  </navigation-case>
</navigation-rule>
```

và

```
<navigation-rule>
  <navigation-case>
    <from-outcome>outcome</from-outcome>
    <to-view-id>/page.xhtml</to-view-id>
  </navigation-case>
</navigation-rule>
```

- a) Đúng
- b) Sai



**Câu 43:** Kiểu dữ liệu gì có thể buộc cho thuộc tính **value** của thành phần JSF sau đây:

```
<f:selectItems value="#{_____}" />
```

- a) SelectItem
- b) SelectItem[]
- c) Collection<SelectItem>
- d) Map với các mục biểu diễn các giá trị value và label của SelectItem
- e) Null

**Câu 44:** Định danh đầy đủ của thành phần được tạo từ dòng 4 trong mã trang JSF sau là gì?

```
2. <h:form id="form">  
3.   <h:outputLabel id="label" value="Input:">  
4.   <h:inputText id="input" />  
5. </h:form>
```

- a) **input**
- b) **form:input**
- c) **form:label:input**

**Câu 45:** Trong JSF, cho managed bean là thể hiện của lớp sau:

```
@ManagedBean  
public class TestBean {  
    public String action() {  
        System.out.println("Do ACTION");  
        return null;  
    }  
}
```

và có nút lệnh trên một trang như sau:

```
<h:commandButton id="button" action="#{testBean.action}" />
```

Điều gì xảy ra khi click vào nút lệnh?

- a) Không có gì xảy ra
- b) Console hiển thị chuỗi **"Do ACTION"** và không có chuyển trang.
- c) Ném một ngoại lệ

**Câu 46:** Điều gì là đặc trưng của JSF managed bean?

- a) Nên có các phương thức getter và setter cho các biến.
- b) Nên có một constructor rỗng.
- c) Chúng buộc ứng xử của web form người dùng với nhau.
- d) Tất cả câu trên đều đúng.

**Câu 47:** Cho đoạn mã

```
<h:outputFormat value="Thanks. You have purchased {0} items. You will get  
discount for {1} items.">  
  <f:param value="10"/>  
  <f:param value="2"/>  
</h:outputFormat>
```

Kết xuất của đoạn mã trên là?

- a) Thanks. You have purchased {0} items. You will get discount for {1} items.
- b) Thanks. You have purchased 10 items. You will get discount for 2 items.
- c) Thanks. You have purchased 2 items. You will get discount for 10 items.
- d) Không câu nào đúng.



**Câu 48:** Lớp nào là front controller servlet của JSF?

- a) javax.faces.webapp.FacesServlet
- b) javax.faces.FacesServlet
- c) javax.faces.servlet.FacesServlet
- d) javax.faces.controller.FacesServlet

**Câu 49:** Để khai báo nhiều file cấu hình cho ứng dụng JSF, thêm khai báo sau vào **web.xml**

- a) `<context-param>`  
    `<param-name>javax.faces.CONFIG_FILES</param-name>`  
    `<param-value>/WEB-INF/navigation.xml,/WEB-INF/beans.xml</param-value>`  
    `</context-param>`
- b) `<init-param>`  
    `<param-name>javax.faces.CONFIG_FILES</param-name>`  
    `<param-value>/WEB-INF/navigation.xml,/WEB-INF/beans.xml</param-value>`  
    `</init-param>`
- c) Không thành phần nào ở trên

**Câu 50:** Cho 2 file **message.properties**, **message\_vi.properties** cho các thông báo tiếng Anh và tiếng Việt. Ngôn ngữ mặc nhiên là tiếng Anh và giả sử đã được cấu hình đúng trong file **faces-config.xml** của JSF. Làm thế nào để hiển thị các chuỗi thông báo tiếng Việt trong ứng dụng.

- a) Xác định `<f:loadBundle locale="vi">` trong các trang JSF.
- b) Xác định `<f:view locale="vi">` trong các trang JSF.
- c) Xác định `<current-locale>vi</current-locale>` trong **faces-onfig.xml**.
- d) Không câu nào đúng.

Hết

---

**TRƯỞNG BỘ MÔN**  
(Ký, ghi rõ họ và tên)

---

**GIẢNG VIÊN RA ĐỀ**  
(Ký, ghi rõ họ và tên)

.....

.....